

Số: 253/KH-UBND

Mường La, ngày 21 tháng 01 năm 2020

## KẾ HOẠCH

**Chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo  
Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 trên địa bàn  
huyện Mường La năm 2020.**

Căn cứ Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định phân cấp quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La;

UBND huyện Mường La xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ trên địa bàn huyện Mường La năm 2020, như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức đang trực tiếp làm việc trong các lĩnh vực, ngành, nghề thuộc đối tượng phải chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ để ngăn chặn, đẩy lùi và phòng ngừa tình trạng tham nhũng, tiêu cực trong quá trình thực thi nhiệm vụ của công chức, viên chức.

2. Việc chuyển đổi vị trí công tác phải đảm bảo khách quan, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ, không làm xáo trộn sự ổn định và không ảnh hưởng đến sự tăng giảm biên chế trong cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn. Chuyển đổi vị trí công tác phải được công bố công khai trong nội bộ cơ quan, đơn vị và gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

3. Nghiêm cấm việc lợi dụng các quy định về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức vì mục đích vụ lợi hoặc để trù dập công chức, viên chức.

### II. NỘI DUNG

**1. Hiện trạng tổ chức bộ máy và biên chế của các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện**



Toàn huyện có 55 cơ quan, đơn vị (13 cơ quan chuyên môn và 42 đơn vị sự nghiệp công lập), 02 Ban Quản lý dự án và 16 xã, thị trấn.

a) Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của huyện tính đến 31/12/2019 là 2.139 người, trong đó:

- Cán bộ, công chức hành chính đang làm việc trong cơ quan chuyên môn của UBND huyện là 88 người.

- Công chức, viên chức đang làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện là 1.685 người (sự nghiệp giáo dục 1.619 người và sự nghiệp khác 66 người).

b) Tổng số cán bộ, công chức cấp xã là 366 người.

## **2. Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác**

a) Đối tượng

Công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đang làm việc tại các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện và công chức xã, thị trấn là đối tượng thuộc diện chuyển đổi theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

b) Nội dung chuyển đổi

- Trường hợp công chức, viên chức chuyển đổi vị trí từ cơ quan, đơn vị này sang cơ quan, đơn vị khác đảm bảo phù hợp với trình độ và chuyên ngành đào tạo, có khả năng tiếp cận và đáp ứng được yêu cầu tại vị trí việc làm đó.

- Trường hợp công chức, viên chức thuộc diện chuyển đổi trong nội bộ cơ quan, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện bố trí, phân công lại nhiệm vụ cụ thể cho từng công chức, viên chức phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ (*bằng Thông báo phân công nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị*); đồng thời xác định rõ các đối tượng thuộc diện đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện chuyển đổi.

- Đối với công chức xã, thị trấn việc thực hiện chuyển đổi phải dựa vào điều kiện thực tế của các xã, chuyển đổi theo cụm các xã có vị trí địa lý, giao thông thuận tiện, tạo điều kiện thuận lợi cho công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian chuyển đổi.

c) Số lượng công chức, viên chức thuộc diện chuyển đổi.

- **Công chức, viên chức thuộc UBND huyện:** Tổng số công chức, viên chức thuộc diện chuyển đổi: 43 người, trong đó 27 người đủ điều kiện thực hiện chuyển đổi, 02 người phải chuyển đổi (*Thời gian công tác ở vị trí hiện tại 05 năm trở lên*).

*(có danh sách kèm theo)*

- **Đối với công chức cấp xã:** Tổng số công chức thuộc diện chuyển đổi 46 người, trong đó 33 người đủ điều kiện thực hiện chuyển đổi.

*(có danh sách kèm theo)*

d) Thời gian chuyển đổi

Thời hạn chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

Thời gian thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức toàn huyện hoàn thành trong năm 2020.

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giao Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn có liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy trình chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ tham mưu giúp Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định chuyển đổi vị trí công tác theo quy định.

Báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác của UBND huyện năm 2020 với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Thông báo việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức biết để tổ chức, triển khai thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Mường La. /

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ tỉnh Sơn La;
- Thường trực huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện;
- UBND 16 xã, thị trấn;
- Lưu: VT, Nội vụ (10b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Việt Cường**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG LA**

**DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC HUYỆN THUỘC ĐIỆN CHUYÊN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC THEO NGHỊ ĐỊNH 59/2019/NĐ-CP  
NGÀY 01/7/2019 CỦA CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG LA NĂM 2020**

(Kèm theo Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 21/01/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Mường La)



STT	Họ và tên	Năm sinh	TĐ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị hiện đang công tác	Thời điểm công tác tại vị trí hiện tại	Thời gian công tác ở vị trí hiện tại đến năm 2020	Chưa đủ điều kiện chuyển đổi	Đủ điều kiện chuyển đổi	Lý do	Ghi chú
<b>I</b>											
<b>Lĩnh vực thẩm định, xây dựng, kế hoạch, đầu tư, DA</b>											
01	Phạm Văn Công	1989	CD	Xây dựng cầu đường	Phòng KT-HT	2019	01 năm	x	4		
02	Quàng Văn Thanh	1986	DH	Xây dựng công trình	Phòng KT-HT	2016	04 năm		x		
03	Lò Đại Dương	1990	DH	Kinh tế	Phòng Tài Chính - Kế hoạch	2015	05 năm		x		
04	Phạm Tất Hường	1991	DH	Kỹ thuật hạ tầng và PTNT	Phòng Tài Chính - Kế hoạch	2018	02 năm		x		
05	Lò Văn Hoài	1983	CD	Kỹ thuật xây dựng	Ban QLDA DPTXD huyện	2016	04 năm		x		
<b>II</b>											
<b>Lĩnh vực đất đai</b>											
06	Bùi Văn Huy	1980	DH	Trắc địa	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020	0 năm	x			Chuyển đổi từ 01/01/2020
07	Nguyễn Quang Minh	1992	CD	QLĐD	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020	0 năm	x			
<b>III</b>											
<b>Lĩnh vực kế toán - tài chính ngân sách</b>											
08	Lưu Thị Bích Hằng	1985	DH	Kế toán DN	Phòng Tài Chính - Kế hoạch	2015	05 năm		x		
09	Lê Thị Lan Anh	1989	DH	Kế toán	Phòng Tài Chính - Kế hoạch	2017	03 năm		x		
10	Trình Thị Hằng	1973	DH	Kế toán	Văn phòng HĐND - UBND	2016	04 năm		x		
11	Vu Thị Thu Thủy	1990	DH	Kế toán	Văn phòng HĐND - UBND	2018	02 năm		x		
12	Phan Thanh Huyền	1994	DH	Kế toán	Phòng Giáo dục & Đào tạo	2018	02 năm	x			Con nhỏ dưới 36 tháng tuổi
13	Nguyễn Thị Gám	1982	DH	Kế toán	Phòng Lao động - TBXH	2019	01 năm	x			
14	Lò Kim Cương	1982	CD	Kế toán	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp	2017	03 năm	x			Con nhỏ dưới 36 tháng tuổi
15	Nguyễn Thị Thu Trang	1986	DH	Kế toán	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp	2018	02 năm	x			Biệt phái phòng Nông nghiệp



STT	Họ và tên	Năm sinh	TĐ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị hiện đang công tác	Thời điểm công tác tại vị trí hiện tại	Thời gian công tác ở vị trí hiện tại đến năm 2020	Chưa đủ điều kiện chuyển đổi	Đủ điều kiện chuyển đổi	Lý do	Ghi chú
16	Lê Đình Đại	1979	DH	Kế toán	Trường tiểu học THCS Chiềng Mùn	2018	02 năm		x		
17	Phùng Thị Nhân	1985	DH	Kế toán	Trường mầm non Tạ Bú	2016	04 năm		x		
18	Hoàng Thị Thu Hà	1987	DH	Kế toán	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa	2018	02 năm		x		
19	Tùng Văn Sơn	1984	DH	Kế toán	Trường THCS Chiềng San	2017	03 năm	x			Biệt phái phòng GD&ĐT
20	Tùng Thị Nguyễn	1988	TC	Kế toán - TCĐN	Trường THCS Năm Păm	2018	02 năm		x		
21	Lò Thị Phương	1985	DH	Kế toán - TCĐN	Trường tiểu học Chiềng Hoa	2018	02 năm		x		
22	Lò Thị Hoa	1988	DH	Kế toán tổng hợp	Trường tiểu học Ngọc Chiến	2018	02 năm	x			Con nhỏ dưới 36 tháng tuổi
23	Tùng Kim Oanh	1989	DH	Kế toán	Trường THCS Chiềng Lao	2016	04 năm		x		
24	Lò Thị Mai Hương	1989	TC	Kế toán	Trường tiểu học Mường Bú	2018	02 năm	x			Con nhỏ dưới 36 tháng tuổi
25	Quảng Thị Hợp	1987	TC	Kế toán	Trường mầm non Mường Bú	2018	02 năm	x			Con nhỏ dưới 36 tháng tuổi
26	Quảng Thị Hóm	1983	TC	Hạch toán kế toán	Trường tiểu học Mường Chùm	2018	02 năm		x		
27	Quảng Thị Hiệp	1988	TC	Kế toán DN	Trường TH&THCS Chiềng Ân	2018	02 năm		x		
28	Cà Văn Ân	1989	TC	Kế toán	Trường tiểu học Chiềng Công	2016	04 năm		x		
29	Lương Văn Thanh	1986	TC	Kế toán DN	Trường tiểu học Năm Giòn	2016	04 năm		x		
30	Lò Thị Hạnh	1989	TC	Kế toán	Trường MN Ít Ong	2018	02 năm	x			Con nhỏ dưới 36 tháng tuổi
31	Hoàng Thị Thu Hà	1987	DH	Kế toán	Trường THCS Pi Toong	2018	02 năm	x			Con nhỏ dưới 36 tháng tuổi
32	Nguyễn Thị Thanh Hải	1982		Kế toán	Trường MN Hua Trai	2016	04 năm		x		
33	Nguyễn Thị Huyền		DH	Kế toán	Trường tiểu học&THCS Mường Trai	2018	02 năm		x		
34	Nguyễn Thị Hà	1986	DH	Kế toán	Ban QLDA DTXD huyện	2016	04 năm		x		
35	Cà Thanh Hà	1989	DH	Kế toán	Ban QLDA di dân TĐC huyện	2017	03 năm		x		
IV	Lĩnh vực tổ chức cán bộ							1	4		

STT	Họ và tên	Năm sinh	TP chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị hiện đang công tác	Thời điểm công tác tại vị trí hiện tại	Thời gian công tác ở vị trí hiện tại đến năm 2020	Chưa đủ điều kiện chuyển đổi	Đủ điều kiện chuyển đổi	Lí do	Ghi chú
36	Nguyễn Thị Thanh Hà	1983	ĐH	Quản trị nhân lực	Phòng Nội vụ	2018	02 năm		x		
37	Lò Thị Ngọc	1991	ĐH	Quản trị nhân lực	Phòng Nội vụ	2016	04 năm				
38	Vũ Quang Tuấn	1983	CD	SP Sinh hóa	Phòng Nội vụ	2018	02 năm	x			Biệt phái Văn phòng Huyện ủy
39	Nguyễn Thị Nga	1974	ĐH	GD Mầm non	Phòng Nội vụ	2018	02 năm		x		
40	Phạm Công Lệnh	1971	ĐH	Kế toán	Phòng Nội vụ	2018	02 năm		x		
V	Lĩnh vực thanh tra										
41	Lường Văn Hà	1988	ĐH	Kế toán	Thanh tra huyện	2020	0 năm	x			
42	Hoàng Ngân Hà	1991	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Thanh tra huyện	2020	0 năm	x			Chuyển đổi vị trí từ 01/01/2020
43	Vũ Danh Tuấn	1976	ĐH	Kế toán	Thanh tra huyện	2020	0 năm	x			
	<b>Tổng cộng</b>							<b>17</b>	<b>26</b>		

- Tổng số 43  
+ Đủ điều kiện 26  
+ Chưa đủ điều kiện 17